TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 06/3/2019
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1974. Địa chỉ: ấp 2, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị Mỹ V, sinh năm: 1986; Địa chỉ: ấp 2, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 18/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị L trình bày:

Do quan hệ quen biết với nhau nên bà có tham gia chơi hụi do bà Mỹ V làm chủ hụi, bà tham gia chơi các dây hụi cụ thể như sau:

1. Hụi tháng khui ngày 28/5/2016 âm lịch, hụi 500.000 đồng gồm 27 phần, bà tham gia chơi 2 phần và đã đóng được 25 tháng với số tiền là 14.860.000 đồng. Phần hụi này đã mãn, đáng lẽ bà V phải giao đủ số tiền hốt hụi của bà là 23.120.000 đồng nhưng bà V không giao hụi đủ cho bà, bà V có đưa cho bà 2.000.000 đồng, còn thiếu bà là 21.120.000 đồng.

2. Hụi tháng khui ngày 22/8/2017 âm lịch, hụi 500.000 đồng gồm 21 phần, bà tham gia chơi 3 phần và đã đóng được đến ngày 22/4/2018 là 8 tháng với số tiền là 7.740.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nói trên bà đã đóng cho bà Mỹ V số tiền là 20.600.000 đồng. Tính đến ngày mãn hụi bà sẽ hốt được số tiền là 30.860.000 đồng nhưng bà

Mỹ V không giao số tiền hụi cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Mỹ V có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi là 30.860.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà Mỹ V trả lại cho bà số tiền theo các lần nhận tiền của bà bà Mỹ V có ký tên trong sổ, tổng số tiền gốc bà đã đóng hụi (tiền vốn) cho bà Mỹ V ở dây hụi thứ nhất là 14.860.000 đồng, bà V có giao cho bà 2.000.000 đồng, và dây hụi thứ 2 là 7.740.000 đồng. Tổng cộng bà V còn thiếu bà số tiền vốn là 20.600.000 đồng, bà có yêu cầu bà V trả lại cho bà số tiền là 20.600.000 đồng, bà không có yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bà Mỹ V vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18 tháng 02 năm 2019, bà Mỹ V vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay và đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Mỹ V vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Trương Thị Mỹ V là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Nội dung vụ án:* Do có quen biết với nhau nên giữa bà Lê Thị L và bà Trương Thị Mỹ V có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc cùng tham gia chơi hụi do bà Mỹ V làm chủ hụi. Bà L tham gia chơi các dây hụi như sau:

1. Hụi tháng khui ngày 28/5/2016 âm lịch, hụi 500.000 đồng, gồm 27 phần, bà tham gia chơi 2 phần và đã đóng được 25 tháng với số tiền vốn gốc là 14.860.000 đồng. Phần hụi này đã mãn, bà V không giao hụi cho bà L, bà V có đưa cho bà L 2.000.000 đồng, còn thiếu bà là 21.120.000 đồng (Phần hụi này khi hốt bà L sẽ được nhận số tiền là 23.120.000 đồng).

2. Hụi tháng khui ngày 22/8/2017 âm lịch, hụi 500.000 đồng gồm 21 phần, bà tham gia chơi 3 phần và đã đóng được đến ngày 22/4/2018 là 8 tháng với số tiền gốc là 7.740.000 đồng. Phần hụi này chưa mãn thì bà V tuyên bố vỡ hụi và bà V yêu cầu phá huê, bà V sẽ trả lại số tiền vốn bà L đã đóng.

Tổng số tiền bà V còn thiếu bà L theo thỏa thuận chơi hụi là 30.860.000 đồng *(Ba mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Bà Mỹ V có đưa cho bà L 2.000.000 đồng rồi không giao hụi cho bà L nữa. Tuy nhiên, bà L chỉ yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả lại cho bà L số tiền vốn gốc bà đã đóng theo sổ mà bà V ký nhận là 20.600.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).*

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà L và bà Mỹ V cùng thực hiện việc giao kết chơi hụi với nhau, mặc dù không có giấy tờ hợp đồng cụ thể nhưng hai bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết và thực hiện một thời gian dài. Trong thời gian hai bên tham gia chơi hụi, bà L đóng hụi cho bà Mỹ V đều được bà Mỹ V ký tên ghi số tiền nhận vào sổ theo dõi của hai bên, bà L có giữ 01 quyển. Tính đến thời gian hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, bà L đã đóng cho bà Mỹ V tổng số tiền vốn gốc là 20.600.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng)*, theo sổ theo dõi việc đóng hụi được bà Mỹ V ký tên xác nhận. Như vậy, căn cứ vào các chữ ký ở các lần nhận tiền của bà Mỹ V thì hiện tại bà Mỹ V còn thiếu bà L số tiền nợ hụi vốn gốc là 20.600.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi của bà L yêu cầu bà Mỹ V phải có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hụi gốc mà bà L đã đóng là 20.600.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng)* là có căn cứ vì theo sổ theo dõi việc đóng hụi cho bà V, bà V có ghi và giao sổ cho bà L, mỗi lần bà L đóng tiền đều được bà V ký tên và đóng dấu tên của bà V. Như vậy, xét trong cả 02 quyển sổ của 02 dây hụi là đúng với số tiền mà bà V đã nhận của Loan. Bà L nhiều lần yêu cầu bà Mỹ V hoàn trả lại số tiền này nhưng bà Mỹ V không thực hiện việc trả lại cho bà L. Như vậy, bà Mỹ V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L theo hợp đồng đã thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà L nên việc bà L khởi kiện yêu cầu bà Mỹ V phải trả lại số tiền nợ hụi là 20.600.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng)* là có cơ sở, xét yêu cầu của bà L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với bà Mỹ V Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bà Mỹ V vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, bà Mỹ V đương nhiên từ bỏ quyền lợi trình bày của mình tại tòa, Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu của bà Mỹ V được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3]. *Về lãi suất:* Bà L không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

Từ những phân tích trên, buộc bà Trương Thị Mỹ V phải có trách nhiệm trả cho bà L ê Thị L số tiền nợ hụi là 20.600.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

[4]. *Về án phí:* Buộc bà Trương Thị Mỹ V có trách nhiệm phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 1.030.000 đồng (*Một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Do yêu cầu của bà L ê Thị L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 771.500 đồng *(Bảy trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm đồng)* theo biên lai thu số 0021274 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị L về việc yêu cầu bà Trương Thị Mỹ V có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị L số tiền nợ hụi là 20.600.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).*

2. Buộc bà Trương Thị Mỹ V có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền là 20.600.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trương Thị Mỹ V chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà Trương Thị Mỹ V còn phải trả cho bà Lê Thị L số tiền lãi số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trương Thị Mỹ V có trách nhiệm phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 1.030.000 đồng (*Một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).*

Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 771.500 đồng *(Bảy trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm đồng)* theo biên lai thu số 0021274 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền